

BẢN TIN THUẾ & HẢI QUAN

Tháng 11 năm 2022

Bản tin Thuế & Hải quan cho mục đích tham khảo chuyên môn, không phát hành hoặc bán trên thị trường

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN STS VIỆT NAM



START

Tiêu điểm trong ấn phẩm

1. Quản lý thuế

- Chính sách thuế khi chi trả các khoản hỗ trợ đạt doanh số cho hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh;
- Thủ tục xác nhận thực hiện nghĩa vụ thuế với NSNN và khấu trừ thuế đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán.

2. Thuế Thu nhập doanh nghiệp

- Chính sách thuế TNDN đối với khoản lãi tiền gửi chưa đáo hạn;
- Ưu đãi thuế TNDN đối với hoạt động xuất bản xuất hóa đơn GTGT đối với quảng cáo báo chí;
- kê khai thuế TNDN sau khi sáp nhập;
- Chi phí tính thuế TNDN đối với khoản chi tài trợ học bổng;
- Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với dự án trong khu công nghiệp.

3. Thuế Giá trị gia tăng

- Khai thuế giá trị gia tăng với hoạt động xây dựng ngoại tỉnh và xác định số tiền thuế giá trị gia tăng nộp thừa;
- kê khai thuế GTGT đối với hoạt động chuyển nhượng BĐS ngoại tỉnh;
- Thuế suất thuế GTGT đối với hoạt động kinh doanh vận tải quốc tế;
- Khai thuế GTGT đối với Hệ thống điện mặt trời mái nhà khác tỉnh với nơi đóng trụ sở chính.

4. Thuế TNCN và Thuế Nhà thầu

- Thu nhập chịu thuế TNCN đối với khoản hỗ trợ sinh con;
- Chi trả hộ và thực hiện kê khai, khấu trừ, quyết toán thuế TNCN của người lao động ký hợp đồng lao động với công ty mẹ ở nước ngoài;
- Thuế nhà thầu nước ngoài trong mua bảo hiểm.

5. Thương mại & Hải quan

- Thủ tục xuất khẩu phần mềm;
- Thuế suất thuế GTGT đối với hoạt động xuất khẩu;
- Xử lý thuế nhập khẩu, thuế GTGT đối với hàng hóa xuất khẩu gửi kho ngoại quan nhập khẩu trở lại nội địa;
- Hàng hóa cho DNCX thuê tài chính.

1. QUẢN LÝ THUẾ

VĂN BẢN HƯỚNG DẪN

Chính sách thuế khi chi trả các khoản hỗ trợ đạt doanh số cho hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh

Trường hợp Công ty chi trả các khoản hỗ trợ đạt doanh số, chi hỗ trợ bằng tiền hoặc không bằng tiền cho cá nhân là các hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán thì Công ty có trách nhiệm khai thuế thay và nộp thuế thay cho cá nhân theo tỷ lệ % tính thuế GTGT là 1% và tỷ lệ % tính thuế TNCN là 0.5%. Đồng thời Công ty có trách nhiệm kê khai đầy đủ các chỉ tiêu trên phụ lục 01-1/BK-CNKD kèm theo tờ khai mẫu số 01/CNKD theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Thông tư số 40/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Khoản thuế Công ty nộp thay hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nêu trên không được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Điều 6 Thông tư số 78/2014/TT-BTC (đã được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 2 Điều 6 Thông tư số 119/2014/TT-BTC và Điều 1 Thông tư số 151/2014/TT-BTC

(Công văn số 53394/CTHN-TTHT ngày 04/11/2022 ban hành bởi Cục thuế TP. Hà Nội)

Thủ tục xác nhận thực hiện nghĩa vụ thuế với NSNN và khấu trừ thuế đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán

Trường hợp người nộp thuế cần xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách nhà nước thì thực hiện thủ tục theo hướng dẫn tại khoản 1 Điều 70 Thông tư số 80/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Trường hợp cá nhân mở tài khoản lưu ký chứng khoán tại Công ty thì Công ty có trách nhiệm khấu trừ thuế thu nhập cá nhân theo thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng trước khi thanh toán tiền cho cá nhân. Trong đó thu nhập tính thuế từ chuyển nhượng chứng khoán được xác định là giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần theo hướng dẫn tại Điều 16 Thông tư số 92/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính).

Công ty thực hiện cấp chứng từ khấu trừ thuế theo yêu cầu của cá nhân bị khấu trừ theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Thông tư số 111/2013/TT-BTC. Chỉ tiêu 14 “Khoản thu nhập” trên chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân, tổ chức chi trả ghi nhận loại thu nhập là thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán.

(Công văn số 53415/CTHN-TTHT ngày 04/11/2022 ban hành bởi Cục thuế TP. Hà Nội)



2. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

VĂN BẢN HƯỚNG DẪN

Chính sách thuế TNDN đối với khoản lãi tiền gửi chưa đáo hạn

L luật thuế TNDN không quy định việc xác định khoản thu nhập dự kiến thu được nhưng chưa thực tế phát sinh được tính vào thu nhập chịu thuế TNDN trong kỳ tính thuế. Trường hợp Công ty thực tế phát sinh khoản thu từ lãi tiền gửi ngân hàng thì khoản thu nhập này được tính vào thu nhập chịu thuế của kỳ tính thuế thực tế phát sinh thu nhập theo hướng dẫn tại khoản 7 Điều 7 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính.

(Công văn số 57306/CTHN-TTHT ngày 23/11/2022 ban hành bởi Cục thuế TP. Hà Nội)

Ưu đãi thuế TNDN đối với hoạt động xuất bản xuất hóa đơn GTGT đối với quảng cáo báo chí

Hoạt động xuất bản lịch của Báo Nhân dân không thuộc các trường hợp hướng dẫn tại Khoản 3 Điều 19 Thông tư 78/2014/TT-BTC, do đó hoạt động này không được hưởng ưu đãi thuế TNDN theo quy định.

Hoạt động quảng cáo trên báo (báo in và báo điện tử) thuộc đối tượng chịu thuế GTGT với thuế suất 10%, Báo Nhân dân thực hiện lập hóa đơn theo quy định khi cung cấp dịch vụ quảng cáo này.

(Công văn số 54501/CTHN-TTHT ngày 10/11/2022 ban hành bởi Cục thuế TP. Hà Nội)

Kê khai thuế TNDN sau khi sáp nhập

Trường hợp Công ty phải sinh các khoản chi như: chi tiền lương, tiền công và các khoản phụ cấp phải trả cho người lao động; trích trước khoản phải trả nhà cung cấp nhưng hết thời hạn nộp hồ sơ quyết toán thuế năm thực tế chưa thực chi thì các khoản chi này thuộc các khoản chi không được trừ đi khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN. Khi đơn vị thực chi trả các khoản đã trích trước nêu trên thì được tính vào chi phí được trừ của kỳ thực chi nếu đáp ứng đủ điều kiện tại quy định tại Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC.

Trường hợp đơn vị thực hiện trích, lập và sử dụng các khoản dự phòng không theo đúng hướng dẫn của Bộ Tài chính về trích lập dự phòng và phát sinh lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ tính thuế thì không được trừ đi khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC

(Công văn số 53407/CTHN-TTHT ngày 04/11/2022 ban hành bởi Cục thuế TP. Hà Nội)

Chi phí tính thuế TNDN đối với khoản chi tài trợ học bổng

Trường hợp Hội bảo trợ có chức năng huy động tài trợ theo quy định của pháp luật và khoản chi cho đúng đối tượng có đủ hồ sơ xác định khoản tài trợ theo quy định tại tiết a, tiết b, điểm 2.22 khoản 2 Điều 6 Thông tư 78/2014/TT-BTC đã được sửa đổi, bổ sung tại Điều 4 Thông tư 96/2015/TT-BTC thì khoản chi tài trợ nêu trên của doanh nghiệp tài trợ thông qua Hội bảo trợ được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN.

Đối với các khoản chi ủng hộ các đoàn thể, tổ chức xã hội, chi từ thiện thông qua Hội bảo trợ không đáp ứng điều kiện quy định nêu trên thì không được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN.

(Công văn số 10855/CTHĐU-TTHT ngày 15/11/2022 ban hành bởi Cục thuế TP. Hà Nội)



3. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

VĂN BẢN HƯỚNG DẪN

Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với dự án trong khu công nghiệp

Trường hợp công ty được BQL các KCN cấp giấy phép đầu tư, dự án của công ty đáp ứng 1 trong 3 tiêu chí về dự án đầu tư mở rộng quy định tại khoản 4, Điều 10, Thông tư 96/2015/TT-BTC thì được lựa chọn 1 trong 2 chế độ sau:

- Hưởng ưu đãi thuế TNDN theo dự án đang hoạt động cho thời gian còn lại (Bao gồm thuế suất, thời gian miễn giảm)
- Áp dụng thời gian miễn thuế, giảm thuế đối với phần thu nhập do dự án đầu tư mở rộng mang lại (miễn thuế TNDN phải nộp 2 năm và giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong 4 năm tiếp theo, không được hưởng mức thuế suất ưu đãi).

Thời gian miễn thuế giảm thuế được tính từ năm dự án hoàn thành đưa vào sản xuất kinh doanh có thu nhập (nếu trong trong 3 năm đầu từ khi có doanh thu không phát sinh thu nhập chịu thuế thì tính bắt đầu từ năm thứ 4)

Công ty phải hạch toán riêng phần thu nhập tăng thêm do đầu tư mở rộng mang lại để kê khai hưởng ưu đãi. Trường hợp công ty không hạch toán riêng được thì phần thu nhập tăng thêm được tính theo tỷ lệ giữa nguyên giá TSCĐ và tổng nguyên giá TSCĐ của công ty

Trường hợp công ty có dự án mở rộng chuyển đổi sở hữu thì không được áp dụng ưu đãi về thuế TNDN

(Công văn số 17460/CTBDU-TTHT ngày 17/11/2022 ban hành bởi Cục thuế TỈNH Bình Dương)



3. THUẾ GIÁN THU

VĂN BẢN HƯỚNG DẪN

Khai thuế giá trị gia tăng với hoạt động xây dựng ngoại tỉnh và xác định số tiền thuế giá trị gia tăng nộp thừa

Trường hợp các hoạt động thi công, lắp đặt của Công ty được xác định là hoạt động xây dựng theo quy định của pháp luật về hệ thống ngành kinh tế quốc dân và quy định của pháp luật chuyên ngành thì Công ty phải thực hiện kê khai và nộp thuế GTGT với hoạt động xây dựng ngoại tỉnh theo hướng dẫn tại Điều 13 Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/09/2021 của Bộ Tài chính.

Công ty căn cứ hợp đồng thi công lắp đặt để xác định hoạt động thi công lắp đặt theo hợp đồng của Công ty có thuộc hoạt động xây dựng không. Công ty tham khảo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 06/07/2018 và Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam, Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014 và các văn bản pháp luật chuyên ngành có liên quan để xác định đúng ngành nghề của hoạt động của Công ty.

Đối với số thuế GTGT đã nộp lại tỉnh có công trình xây dựng, đây là số thuế GTGT phát sinh phải nộp được xác định theo doanh thu chưa có thuế giá trị gia tăng đối với hoạt động xây dựng tại tỉnh nơi có công trình xây dựng nhân (x) với 1%, số thuế GTGT này sẽ được bù trừ với số thuế GTGT phải nộp tại trụ sở chính, không xác định là số thuế GTGT nộp thừa.

(Công văn số 3688/CTBNI-TTHT ngày 09/11/2022 ban hành bởi Cục thuế tỉnh Bắc Ninh)

Khai thuế GTGT đối với Hệ thống điện mặt trời mái nhà khác tỉnh với nơi đóng trụ sở chính

Trường hợp hoạt động sản xuất điện mặt trời đáp ứng điều kiện là nhà máy sản xuất điện theo quy định của pháp luật điện lực thì người nộp thuế khai thuế giá trị gia tăng riêng cho cơ quan thuế nơi có nhà máy sản xuất điện theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 11 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP.

Trường hợp hoạt động sản xuất điện mặt trời không đáp ứng điều kiện là nhà máy sản xuất điện theo quy định của pháp luật điện lực và người nộp thuế thực hiện hạch toán tập trung tại trụ sở chính thì người nộp thuế thực hiện khai thuế giá trị gia tăng tập trung cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của cơ sở sản xuất và nộp hồ sơ khai thuế, phụ lục bảng phân bổ thuế giá trị gia tăng phải nộp cho địa phương nơi được hưởng nguồn thu cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp; nộp số tiền thuế phân bổ cho từng tỉnh nơi có cơ sở sản xuất theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP và điểm d khoản 1, điểm d khoản 2, điểm d khoản 3 Điều 13 Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính.

(Công văn số 4185/TCT-KK ngày 11/11/2022 ban hành bởi Tổng cục thuế)



3. THUẾ GIÁN THU (TIẾP THEO)

VĂN BẢN HƯỚNG DẪN

Kê khai thuế GTGT đối với hoạt động chuyển nhượng BĐS ngoại tỉnh

Trường hợp Công ty có hoạt động chuyển nhượng bất động sản của dự án đầu tư cơ sở hạ tầng, nhà để chuyển nhượng tại địa bàn tỉnh khác với nơi đóng trụ sở chính thì công ty thực hiện nộp tờ khai mẫu 01/GTGT để kê khai riêng thuế GTGT của dự án hoặc từng dự án (nếu trong trường hợp tại tỉnh, thành phố công ty có nhiều dự án nhà ở khác nhau) cho cơ quan thuế nơi có hoạt động chuyển nhượng bất động sản theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 11 Nghị định 126/2020/NĐ-CP.

Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường tại trụ sở chính, Công ty kê khai theo mẫu 01/GTGT không bao gồm hoạt động chuyển nhượng bất động sản ngoại tỉnh.

(Công văn số 53403/CTHN-TTHT ngày 04/11/2022 ban hành bởi Cục thuế TP. Hà Nội)

Thuế suất thuế GTGT đối với hoạt động kinh doanh vận tải quốc tế

Trường hợp Công ty có hoạt động kinh doanh vận chuyển hàng hóa bằng đường biển theo chặng quốc tế từ Việt Nam ra nước ngoài hoặc từ nước ngoài đến Việt Nam, hoặc cả điểm đi và đến ở nước ngoài, không phân biệt có phương tiện trực tiếp vận tải hay không có phương tiện thì hoạt động kinh doanh này được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 0% nếu đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 9 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính.

(Công văn số 55346/CTHN-TTHT ngày 15/11/2022 ban hành bởi Cục thuế TP. Hà Nội)



4. THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN & THUẾ NHÀ THẦU

VĂN BẢN HƯỚNG DẪN

Thu nhập chịu thuế TNCN đối với khoản hỗ trợ sinh con

Trường hợp cá nhân người lao động nhận được khoản tiền do tổ chức, cá nhân trả thu nhập hỗ trợ có tính chất phúc lợi chi trực tiếp cho người lao động; mức chi phù hợp với mức xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của văn bản hướng dẫn thi hành luật thuế TNDN (Tổng số chi có tính chất phúc lợi của tổ chức, cá nhân trả thu nhập không quá một tháng lương bình quân thực tế thực hiện trong năm tính thuế của doanh nghiệp) thì khoản tiền nhận được này không tính vào thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân của người lao động theo quy định tại khoản 5 Điều 11 Thông tư số 92/2015/TT-BTC và điểm 2.30 khoản 2 Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC.

(Công văn số 53673/CTHN-TTHT ngày 07/11/2022 ban hành bởi Cục thuế TP. Hà Nội)

Chi trả hộ và thực hiện kê khai, khấu trừ, quyết toán thuế TNCN của người lao động ký hợp đồng lao động với công ty mẹ ở nước ngoài

Trường hợp tổ chức trả thu nhập trực tiếp chi trả tiền lương, thù lao, tiền thưởng... cho người lao động thì trước khi trả thu nhập, tổ chức trả thu nhập có trách nhiệm khấu trừ thuế TNCN theo quy định. Việc khấu trừ thuế TNCN thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 1 Điều 25 Thông tư số 111/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Trường hợp cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công được trả từ nước ngoài; cá nhân không cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công phát sinh tại Việt Nam nhưng được trả từ nước ngoài thì thuộc diện trực tiếp khai thuế với cơ quan thuế theo quy định Điều 19 Thông tư số 80/2021/TT-BTC.

Trường hợp cá nhân không đáp ứng điều kiện được ủy quyền quyết toán theo quy định tại điểm d.2 khoản 6 Điều 8 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP thì phải trực tiếp khai quyết toán thuế TNCN với cơ quan thuế nếu có số thuế phải nộp thêm hoặc có số thuế nộp thừa để nghị hoàn hoặc bù trừ vào kỳ khai thuế tiếp theo theo quy định tại điểm d.3 khoản 6 Điều 8 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

Trường hợp Công ty sử dụng hóa đơn điện tử theo Nghị định số 123/2020/NĐ-CP của Chính phủ, khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, người bán phải lập hóa đơn để giao cho người mua theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP.

Đối với các khoản thu hộ không liên quan đến việc bán hàng hóa, dịch vụ của Công ty thì không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT theo quy định tại điểm d khoản 7 Điều 5 Thông tư số 219/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính. Công ty lập chứng từ thu, chi theo quy định.

(Công văn 53405/CTHN-TTHT ngày 14/11/2022 ban hành bởi Tổng cục Hải quan)



4. THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN & THUẾ NHÀ THẦU (TIẾP THEO)

VĂN BẢN HƯỚNG DẪN

Thuế nhà thầu nước ngoài trong mua bảo hiểm

Trường hợp Công ty mẹ có trụ sở tại nước ngoài mua bảo hiểm mà người thụ hưởng là Công ty con; Công ty mẹ thanh toán tiền bảo hiểm cho Bên bán bảo hiểm tại nước ngoài. Sau đó thu lại tiền bảo hiểm của Công ty con thì Công ty mẹ thuộc đối tượng nộp thuế nhà thầu nước ngoài tại Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06/8/2014 của Bộ Tài chính. Công ty con có trách nhiệm khấu trừ tiền thuế nhà thầu nước ngoài trước khi thanh toán cho Công ty mẹ và Công ty con thực hiện kê khai, nộp thuế nhà thầu nước ngoài thay cho Công ty mẹ theo quy định của Luật quản lý thuế.

Nếu Công ty mẹ không đáp ứng được một trong các điều kiện nêu tại Điều 8 Mục 2 Chương II Thông tư số 103/2014/TT-BTC thì Công ty con nộp thuế nhà thầu nước ngoài thay cho Công ty mẹ theo hướng dẫn tại điều 12, Điều 13 Mục 3 Chương II Thông tư số 103/2014/TT-BTC theo tỷ lệ: thuế giá trị gia tăng 5%, thuế thu nhập doanh nghiệp 5%.

(Công văn 10765/CTHDU-TTHT ngày 11/11/2022 ban hành bởi Cục thuế tỉnh Hải Dương)



5. THƯƠNG MẠI & HẢI QUAN

VĂN BẢN HƯỚNG DẪN

Thuế suất thuế GTGT đối với hoạt động xuất khẩu

Trường hợp Công ty (bên mua) ký kết hợp đồng mua bán thiết bị lưu điện với doanh nghiệp Việt Nam (bên bán), hàng hóa được giao nhận tại Thượng Hải, Trung Quốc (ngoài Việt Nam), nếu bên bán có tài liệu chứng minh việc giao, nhận hàng hóa ở ngoài Việt Nam theo quy định và đáp ứng các điều kiện tại điểm a Khoản 2 Điều 9 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính thì thuộc trường hợp áp dụng thuế suất GTGT 0%.

Trường hợp Công ty có hoạt động bán hàng hóa cho tổ chức, cá nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam và được thương nhân nước ngoài chỉ định giao, nhận hàng hóa với doanh nghiệp khác tại Việt Nam thì thuộc trường hợp hàng hóa xuất khẩu tại chỗ theo quy định tại Khoản 1 Điều 86 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính.

Trường hợp Công ty xuất khẩu hàng hóa theo hình thức xuất khẩu tại chỗ theo quy định của pháp luật, đáp ứng các điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều 9 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính và không thuộc các trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 1 Thông tư 130/2016/TT-BTC ngày 12/8/2016 của Bộ Tài chính thì thuộc trường hợp áp dụng thuế suất GTGT 0%.

Trường hợp Công ty có các khoản chi đáp ứng quy định tại Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính thì được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN.

(Công văn 53392/CTHN-TTHT ban hành bởi Cục thuế Tp. Hà Nội)

Thủ tục xuất khẩu phần mềm

Phần mềm không có tên gọi và mã số hàng hóa theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam, nên phần mềm xuất khẩu không phải làm thủ tục hải quan và được quản lý hải quan theo phương tiện chứa đựng. Phần mềm xuất khẩu được chứa trong đĩa CD thì đĩa CD được coi là hàng xuất khẩu phải làm thủ tục hải quan và chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan hải quan.

Về giá trị hải quan: trường hợp hàng hóa xuất khẩu là phương tiện trung gian chứa đựng phần mềm ứng dụng thì giá trị hải quan là giá bán của phương tiện trung gian tính đến cửa khẩu, không bao gồm trị giá của phần mềm ứng dụng nếu trên hóa đơn thương mại, giá trị của phần mềm ứng dụng được tách riêng với giá trị của phương tiện trung gian.

Về khai báo trên tờ khai hải quan hàng xuất khẩu: Ô “Tổng trị giá hóa đơn” người khai khai tổng giá trị của phương tiện trung gian theo hóa đơn, ô “Tổng trị giá tính thuế” khai tổng trị giá hải quan của phương tiện trung gian; trị giá của phần mềm ứng dụng được khai tại báo tại phần ghi chú của tờ khai xuất khẩu.

(Công văn 4572/TCHQ-TXNL ngày 31/10/2022 ban hành bởi Tổng cục Hải quan)



5. THƯƠNG MẠI & HẢI QUAN (TIẾP THEO)

VĂN BẢN HƯỚNG DẪN

Xử lý thuế nhập khẩu, thuế GTGT đối với hàng hóa xuất khẩu gửi kho ngoại quan nhập khẩu trở lại nội địa.

1. Về thủ tục hải quan

Theo quy định tại Điều 85 và Điều 88 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP thì hàng hóa từ Việt Nam đã làm xong thủ tục hải quan xuất khẩu, hàng hóa từ nước ngoài chờ làm thủ tục nhập khẩu vào Việt Nam hoặc chờ xuất khẩu sang nước thứ ba của các đối tượng được phép thuê kho ngoại quan được đưa vào lưu giữ trong kho ngoại quan. Trường hợp nhập khẩu vào thị trường Việt Nam thì phải làm thủ tục hải quan như đối với hàng hóa nhập khẩu từ nước ngoài theo loại hình nhập khẩu tương ứng; thời điểm nhập khẩu thực tế hàng hóa là thời điểm cơ quan hải quan xác nhận hàng hóa đưa ra khỏi kho ngoại quan. Như vậy, hàng hóa xuất khẩu đã hoàn thành thủ tục hải quan đưa vào gửi kho ngoại quan để chờ xuất khẩu, trong thời gian lưu giữ tại kho ngoại quan, doanh nghiệp được phép chuyển quyền sở hữu hàng hóa, nếu chủ hàng hóa có nhu cầu nhập khẩu trở lại nội địa thì đăng ký tờ khai nhập khẩu theo loại hình tương ứng và thực hiện thủ tục nhập khẩu theo quy định tại Điều 91 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 59 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ Tài chính.

2. Chính sách thuế

Căn cứ Điều 4 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13; Căn cứ Điều 3 Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14; Căn cứ Điều 28 Luật Thương mại số 36/2005/QH11; Căn cứ Điều 12 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11/3/2021; Căn cứ Điều 10 Nghị định số 68/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 được sửa đổi tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 67/2020/NĐ-CP ngày 15/6/2020 quy định về điều kiện công nhận kho ngoại quan và khoản 20 Điều 4 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 18/12/2013 quy định về đối tượng không chịu thuế thì hàng hóa nhập khẩu vào nội địa có nguồn gốc là hàng xuất khẩu đã hoàn thành thủ tục hải quan gửi kho ngoại quan, doanh nghiệp thực hiện thủ tục hải quan và chính sách thuế theo loại hình tương ứng; hàng hóa nhập khẩu từ kho ngoại quan vào nội địa để sản xuất hàng hóa xuất khẩu, đáp ứng điều kiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 1/9/2016 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11/3/2021 thì được miễn thuế nhập khẩu, không thu thuế GTGT theo quy định.

(Công văn 4826/TCHQ-GSQL ngày 14/11/2022 ban hành bởi Tổng cục Hải quan)



5. THƯƠNG MẠI & HẢI QUAN (TIẾP THEO)

VĂN BẢN HƯỚNG DẪN

Hàng hóa cho DNCX thuê tài chính

1. Trường hợp công ty cho thuê tài chính tiến hành thu hồi tài sản cho DNCX thuê

Căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/1/2015, Điều 86, Điều 94 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 51 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018, trường hợp doanh nghiệp chế xuất trả lại máy móc, thiết bị đã thuê, mượn cho công ty cho thuê tài chính thì doanh nghiệp chế xuất thực hiện thủ tục xuất khẩu tại chỗ, Công ty cho thuê tài chính thực hiện thủ tục nhập khẩu tại chỗ đối ứng và kê khai nộp thuế theo quy định (Tổng cục Hải quan đã có hướng dẫn tại công văn số 2105/TCHQ-TXNK ngày 7/6/2022, số 1188/TCHQ-TXNK ngày 6/4/2022).

2. Trường hợp công ty cho thuê tài chính mua tài sản trong nước rồi cho DNCX trong khu phi thuế quan thuê tài chính

Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 75 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 sửa đổi, bổ sung tại khoản 51 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018, trường hợp công ty cho thuê tài chính mua hàng hóa từ nội địa đưa vào doanh nghiệp chế xuất thì doanh nghiệp chế xuất, doanh nghiệp nội địa làm thủ tục hải quan xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ theo loại hình tương ứng (Tổng cục Hải quan đã có hướng dẫn tại công văn số 1971/GSQL-GQ2 ngày 25/6/2019).

3. Trường hợp công ty cho thuê tài chính cho DNCX nằm ngoài khu phi thuế quan thuê tài chính

Trường hợp công ty cho thuê tài chính mua hàng hóa trong nước rồi cho DNCX nằm ngoài khu phi thuế quan (DNCX phải đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13) thuê tài chính thì thủ tục hải quan thực hiện theo hướng dẫn tại điểm 2 nêu trên.

Trường hợp công ty cho thuê tài chính nhập khẩu hàng hóa từ nước ngoài đưa thẳng, trực tiếp cho DNCX nằm ngoài khu phi thuế quan (DNCX phải đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13) thuê tài chính và chỉ sử dụng trong DNCX thì hồ sơ, thủ tục hải quan thực hiện theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 94 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 61 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ Tài chính) (Bộ Tài chính đã có hướng dẫn tại công văn số 2040/BTC-CST ngày 21/2/2019).

Trường hợp công ty cho thuê tài chính mua hàng hóa của DNCX rồi cho chính DNCX (DNCX phải đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13) thuê tài chính và chỉ sử dụng trong doanh nghiệp chế xuất, không phát sinh việc di chuyển hàng hóa ra khỏi DNCX cho Công ty cho thuê tài chính và ngược lại thì không phát sinh hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu nên không thực hiện thủ tục hải quan (Bộ Tài chính đã có hướng dẫn tại công văn số 2040/BTC-CST ngày 21/2/2019).

(Công văn 4700/TCHQ-TXNK ngày 08/11/2022 ban hành bởi Tổng cục Hải quan)





Liên hệ



Nguyễn Duy Thái
Tổng Giám đốc
+84 901 707 127
thaind@kiemtoansts.vn



Trần Thành Trung
Chủ tịch HĐQT
trungtt@kiemtoansts.vn



Lê Thị Kim Anh
Chuyên viên Tư vấn Thuế
+84 332 180 459
anhlk@kiemtoansts.vn



Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn STS Việt Nam được thành lập năm 2009, sau quá trình phát triển, STS Việt Nam chính thức gia nhập vào hàng ngũ những hãng kiểm toán nổi trội năm 2020 bởi một đội ngũ các kiểm toán viên có bề dày kinh nghiệm tại các công ty kiểm toán hàng đầu Việt Nam. Tập thể ban lãnh đạo của chúng tôi là những chuyên gia được đào tạo bài bản ở trong và ngoài nước. Đội ngũ ban lãnh đạo có kinh nghiệm dày dặn tại các Công ty kiểm toán Big4 và các Tập đoàn lớn, các công ty có vốn đầu tư nước ngoài. Do vậy, chúng tôi hoàn toàn tự tin có thể đáp ứng được các yêu cầu cũng như cam kết mang đến cho Quý khách hàng dịch vụ chất lượng với nhiều giá trị gia tăng.

Chúng tôi cung cấp dịch vụ kiểm toán, tư vấn thuế, tư vấn quản trị tài chính với chất lượng hàng đầu, đồng thời tối ưu hóa những giá trị mang đến khách hàng.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN STS VIỆT NAM

Trụ sở chính	Tầng 3, tòa nhà Hesco, số 135 đường Trần Phú, P. Văn Quán, Q. Hà Đông, Hà Nội
Văn phòng Hồ Chí Minh	B708, The Splendor, 27 Nguyễn Văn Dung, P6, Quận Gò Vấp
Văn phòng Hải Phòng	Tầng 9, tòa nhà Đông Phương, đường Lê Hồng Phong, P. Đông Khê, Q. Ngô Quyền, Hải Phòng
Văn phòng Thanh Hóa	Số 24/108 phố Đông Tác, phường Đông Thọ, Tp. Thanh Hóa, Thanh Hóa
Văn phòng Bắc Ninh	Số 46B, Hòa Đình, phường Võ Cường, TP Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

© Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn STS Việt Nam

KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ ĐẢM BẢO

- Kiểm toán BCTC
- Kiểm toán Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành
- Kiểm toán tuân thủ
- Kiểm toán và soát xét theo mục đích đặc biệt
- Dịch vụ đảm bảo khác

DỊCH VỤ TƯ VẤN THUẾ

- Tư vấn thuế thường xuyên
- Soát xét thuế TNDN, GTGT, TNCN, NTNN
- Hoàn thuế
- Hỗ trợ trong thanh tra thuế
- Kế toán, kê khai và quyết toán thuế
- Xác định giá giao dịch liên kết

DỊCH VỤ TƯ VẤN

- Tư vấn Tài chính doanh nghiệp
- Tư vấn Quy trình và Hệ thống kiểm soát nội bộ
- Định giá doanh nghiệp
- Mua bán và sáp nhập